TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Giang**

Bà **Nguyễn Kim Huệ**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Châu Sơn Ca -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Diệp Ngọc H**, sinh năm: 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1970 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Diệp Ngọc H trình bày:

Bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D thành hôn với nhau năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh tỉnh Minh H (nay là xã P, huyện P, tỉnh C). Trong quá trình chung sống bà H và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc bà H và ông D sống ly thân tháng 11 năm 2022 đến nay.Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh năm 1995, Nguyễn Vũ A, sinh năm 2003, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Tài sản chung, tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Diệp Ngọc H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn D vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D thành hôn với nhau năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/3/1995 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh C (nay là xã P, huyện P, tỉnh C). cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Diệp Ngọc H trình bày trong thời gian chung sống bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân tháng 11 năm 2022 đến nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D. Ông D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Diệp Ngọc H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Diệp Ngọc H và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh năm 1995, Nguyễn Vũ A, sinh năm 2003, con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét về nợ chung: Bà Hx ác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Diệp Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Diệp Ngọc H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Diệp Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, bà H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018487 ngày 28/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân